

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2020

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ về quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ; Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020; Công văn số 13022/UBND-KSTT ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;

UBND huyện Cam Lâm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính (viết tắt là TTHC), triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2020, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT TTHC

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức các nhiệm vụ kiểm soát TTHC

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2020; UBND huyện Cam Lâm đã ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2020; triển khai, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc rà soát, đánh giá quy định, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương.

Trong năm 2020, UBND huyện đã thực hiện đầy đủ 100% nhiệm vụ Kế hoạch được UBND tỉnh giao; trong đó có các nhiệm vụ trọng tâm thể hiện qua các văn bản UBND huyện đã ban hành: Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 29/7/2020 về việc rà soát, đánh giá, đơn giản hóa TTHC năm 2020, trong đó kiến nghị đơn giản hóa 01 TTHC thuộc lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp huyện - lĩnh vực rà soát trọng tâm của UBND huyện năm 2020; Kế hoạch số 3593/KH-UBND ngày 06/7/2020 về việc tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC năm 2020 và đã tiến hành kiểm tra tại UBND 14 xã, thị trấn; Kế hoạch số 4988/KH-UBND ngày 30/9/2020 về việc tổ chức Hội nghị đối thoại với người dân, doanh nghiệp để giải đáp các vướng mắc, khó khăn về TTHC và giải quyết TTHC năm 2020...

Thực hiện Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt danh sách cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh, UBND huyện, UBND các xã, thị trấn đã thực hiện bố trí cán bộ làm đầu mối kiểm soát TTHC theo đúng quy định.

Ban hành Công văn số 2742/UBND ngày 19/5/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Ban hành Công văn số 3454/UBND ngày 29/6/2020 về việc khắc phục tình trạng giải quyết TTHC trễ hạn; Công văn số 4923/UBND ngày 25/9/2020 về việc khắc phục tình trạng giải quyết TTHC trễ hạn trên địa bàn huyện trong quý III/2020.

Ban hành Công văn số 3775/UBND ngày 17/7/2020 về việc triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết số 84/NQ-CP của Chính phủ. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường chỉ đạo, kiểm tra cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, nhất là trong việc giải quyết TTHC; thực hiện nghiêm các quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, không để phát sinh hồ sơ trễ hạn trên phần mềm một cửa hành chính công và hồ sơ giấy.

2. Công khai TTHC

UBND huyện thực hiện công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên Cổng Thông tin điện tử huyện theo đúng quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ. Khi nhận được các quyết định của UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC của các lĩnh vực, UBND huyện đã ban hành Công văn chỉ đạo việc niêm yết công khai TTHC và triển khai thực hiện đối với các phòng chuyên môn liên quan, UBND cấp xã; trong đó, hướng dẫn rõ việc truy xuất dữ liệu của TTHC được công bố; thực hiện đăng thông tin của các TTHC mới công bố trên Cổng thông tin điện tử huyện để CBCC, người dân, tổ chức biết, thực hiện...

UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt việc niêm yết công khai TTHC theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Phụ lục IV của Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

UBND huyện, UBND các xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra, rà soát tất cả các TTHC đang niêm yết công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; thực hiện niêm yết mới hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ niêm yết theo Quyết định công bố TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa mới ban hành; đảm bảo công khai, minh bạch đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, các xã, thị trấn.

- Tổng số TTHC được UBND huyện thực hiện công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện là 267 thủ tục; UBND các xã, thị trấn thực hiện công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã, thị trấn là 161 thủ tục.

3. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Thực hiện rà soát, đánh giá quy định, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, UBND cấp xã trên các lĩnh vực và lĩnh vực trọng tâm năm 2020 theo Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa; UBND huyện đã thực hiện rà soát trọng tâm đối với lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung và Chương V Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ, tập trung vào các nội dung: Sự cần thiết của TTHC và các quy định có liên quan đến TTHC, tính hợp lý, tính hợp pháp.

- Tổng số TTHC đã được rà soát:

+ Đối với lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp huyện: 23 TTHC.

Phương án đơn giản hóa cụ thể: Số TTHC giữ nguyên: 23 TTHC; số TTHC bãi bỏ: 0; số TTHC sửa đổi, bổ sung: 0; số TTHC thay thế: 0; số TTHC liên thông: 0; số TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử: 0.

+ Đối với lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp xã: 05 TTHC.

Phương án đơn giản hóa cụ thể: Số TTHC giữ nguyên: 05 TTHC; số TTHC bãi bỏ: 0; số TTHC sửa đổi, bổ sung: 0; số TTHC thay thế: 0; số TTHC liên thông: 0; số TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử: 0.

Bên cạnh đó, UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện rà soát các bất cập, vướng mắc trong quá trình giải quyết TTHC; UBND huyện đã tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh về các vướng mắc, khó khăn trong giải quyết TTHC tại Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 29/7/2020.

4. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 01; số từ kỳ trước chuyển qua: 00; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 00; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 01.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 01; trong đó số đã được đăng tải công khai: 01. Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 00.

Ngày 29/7/2020, UBND huyện Cam Lâm nhận được Đơn phản ánh kiến nghị của ông Nguyễn Thiện, thôn Văn Thủy 1, xã Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm được chuyển qua hệ thống xử lý phản ánh kiến nghị của Văn phòng Chính phủ, mã số: PAKN.20200728.0022. Nội dung phản ánh, kiến nghị về việc UBND xã Cam Phước Tây đang giải quyết trễ hạn hồ sơ Đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, mã biên nhận hồ sơ số 2092000730.

UBND huyện đã thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung) và Chương VI Thông tư số

02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ. Kết quả giải quyết, cụ thể như sau:

UBND huyện Cam Lâm đã ban hành Công văn số 3954/UBND ngày 30/7/2020 yêu cầu UBND xã Cam Phước Tây khẩn trương kiểm tra, giải quyết hồ sơ mã số 2092000730 theo đúng quy trình, thủ tục và thẩm quyền của UBND cấp xã, hoàn thành chậm nhất ngày 10/8/2020. UBND xã Cam Phước Tây đã ban hành Văn bản số 509/UBND ngày 31/07/2020 về việc xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả gửi ông Nguyễn Thiện, nguyên nhân trễ hạn là do ông Nguyễn Thanh - công chức địa chính của xã kiểm tra, giải quyết hồ sơ chậm trễ. Ngày 08/8/2020, UBND xã Cam Phước Tây đã hoàn thành quy trình thẩm quyền cấp xã và chuyển đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Cam Lâm để giải quyết bước tiếp theo.

UBND huyện Cam Lâm ban hành Công văn số 4433/UBND ngày 25/8/2020 gửi ông Nguyễn Thiện để biết và thực hiện các nội dung liên quan đến ông theo quy trình giải quyết hồ sơ. Đồng thời, thực hiện công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP và Điều 19 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung: Công khai kết quả trả lời phản ánh của ông Nguyễn Thiện tại chuyên mục “Kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị” của Cổng Thông tin điện tử huyện Cam Lâm.

Bên cạnh đó, UBND xã Cam Phước Tây đã thực hiện hồ sơ theo quy định trình UBND huyện xử lý kỷ luật đối với ông Nguyễn Thanh - công chức địa chính của xã. UBND huyện đã tổ chức xử lý kỷ luật theo đúng quy trình quy định và ban hành Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 về việc xử lý kỷ luật đối với ông Nguyễn Thanh.

- UBND huyện đã thực hiện niêm yết công khai địa chỉ cơ quan, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ email của Văn phòng UBND tỉnh tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện và đăng công khai trên Trang thông tin điện tử huyện. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai địa chỉ cơ quan, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ email của Văn phòng UBND tỉnh để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị theo đúng mẫu tại Phụ lục 4, Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2020.

5. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

a) Tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC của UBND huyện

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm 2020, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 2.687 (*trực tuyến: 568; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 2.119*); số từ kỳ trước chuyển qua: 89.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 2.640; trong đó, giải quyết trước hạn: 2.424, đúng hạn: 107, quá hạn: 109.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 89; trong đó, trong hạn: 74, quá hạn: 15.

b) Tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC của UBND các xã, thị trấn

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm 2020, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 18.284 (*trực tuyến: 2.286; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 15.998*); số từ kỳ trước chuyển qua 342.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 18.224; trong đó, giải quyết trước hạn: 14.723, đúng hạn: 3.154, quá hạn: 347.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 402; trong đó, trong hạn: 292, quá hạn: 110.

b) Đánh giá việc giải quyết TTHC

Thực hiện chỉ đạo quyết liệt của UBND huyện, các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn đã thực hiện nghiêm các quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước; giải quyết hồ sơ trên Phần mềm một cửa điện tử - giải pháp kiến trúc mới không để xảy ra tình trạng hồ sơ thực hiện không đúng quy trình thủ tục quy định; cán bộ, công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả khi giao tiếp với công dân đều thể hiện thái độ đúng mực, tận tình hướng dẫn công dân thực hiện các TTHC theo quy định.

* **Đối với UBND huyện:** Trong năm 2020, có 109 hồ sơ trễ hạn; trong đó lĩnh vực đất đai chiếm đa số hồ sơ trễ hạn của TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện (89 hồ sơ); 20 hồ sơ trễ hạn của các lĩnh vực còn lại là do công chức chậm xử lý trên Phần mềm, trên thực tế, hồ sơ vẫn được giải quyết cho người dân đúng và sớm thời gian quy định. Đối với hồ sơ đất đai, tỷ lệ hồ sơ trễ hạn chiếm tỷ lệ cao gồm các nguyên nhân sau:

+ Trễ hạn tại Phòng Tài nguyên và Môi trường là do đơn vị này đang thiếu 02 biên chế công chức do 01 công chức chuyển công tác và 01 công chức nghỉ thai sản từ tháng 4/2020, trong khi đó vào thời điểm quý II, quý III số lượng hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất tăng rất cao nên không giải quyết kịp toàn bộ hồ sơ, dẫn đến trễ hạn (*từ 01/11/2020, UBND huyện đã bố trí đủ công chức theo biên chế cho Phòng*). Đồng thời, có hồ sơ trễ hạn do các cơ quan liên thông như: UBND cấp xã, Văn phòng HĐND và UBND huyện, Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi cục Thuế.

+ Cơ quan liên thông có thông báo bổ sung hồ sơ bằng văn bản cho người dân nhưng do chưa phối hợp tốt với công chức địa chính cấp xã nên chậm dừng tính trên Phần mềm, hồ sơ bị tính trễ hạn (*theo quy định hồ sơ dừng tính có lý do chính đáng sẽ được dừng tính trên Phần mềm, không bị tính trễ hạn*).

+ Bên cạnh đó, hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất thường gặp các vướng mắc liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cơ quan chức năng liên quan phải mất nhiều thời gian để kiểm tra, thẩm định để giải quyết hồ sơ theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dẫn đến hồ sơ bị trễ hạn.

+ Phần mềm thường xuyên chạy không ổn định, tốc độ truyền và tải dữ liệu chậm, phần mềm lỗi làm ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận và giải quyết TTHC, nhất là đối với hồ sơ gần hết thời hạn giải quyết, do không vào được phần mềm

nên công chức không xử lý được đúng thời gian quy định, thực tế là hồ sơ được giải quyết đúng hạn; mặt khác, cán bộ, công chức thường tập trung thực hiện hồ sơ giấy để đảm bảo trả hồ sơ do người dân đúng hạn, chậm xử lý trên Phần mềm dẫn đến hồ sơ bị trễ hạn trên phần mềm, trên thực tế các hồ sơ này vẫn được giải quyết cho người dân đúng thời gian quy định.

*** Đối với UBND cấp xã:** Có 347 hồ sơ TTHC trễ hạn; hồ sơ trễ hạn tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực như: Tài nguyên môi trường, Tư pháp, Công an, Liên thông TTHC. Đối với lĩnh vực Tư pháp, Công an, Liên thông TTHC, hồ sơ trễ hạn là do công chức chậm xử lý trên Phần mềm, trên thực tế, hồ sơ vẫn được giải quyết cho người dân đúng và sớm thời gian quy định. Đối với lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường thì trễ hạn do các nguyên nhân: Cán bộ giải quyết hồ sơ xử lý trên phần mềm điện tử một cửa chậm, trên thực tế, hồ sơ vẫn được giải quyết cho người dân đúng và sớm thời gian quy định; hồ sơ có thông báo bổ sung nhưng công chức cơ quan liên thông và công chức địa chính xã phối hợp chưa tốt nên quên bấm tạm dừng; do công chức địa chính giải quyết hồ sơ chậm; hồ sơ trễ hạn do các cơ quan liên thông như: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng HĐND và UBND huyện, Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi cục Thuế.

6. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

UBND huyện Cam Lâm đã ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2020; trong đó hướng dẫn các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện nghiêm các nội dung Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

Trong năm 2020, UBND huyện đã thành lập Đoàn kiểm tra KSTTHC tiến hành kiểm tra tại 14 xã, thị trấn; trong đó, chú trọng kiểm tra việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC của các đơn vị phải đảm bảo theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.

*** Tình hình, kết quả thực hiện Đề án thực hiện liên thông các TTHC (đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí)**

UBND huyện tiếp tục triển khai việc thực hiện Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế giải quyết liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí đối với UBND các xã thị trấn và các cơ quan liên quan; công khai TTHC liên thông theo Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh trên Cổng thông tin điện tử huyện và tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các xã, thị trấn; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để Nhân dân trên địa bàn biết việc thực hiện liên thông các TTHC. Năm 2021, UBND các xã, thị trấn đã tiếp nhận và giải quyết 75 hồ sơ

liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí.

7. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

a) Kết quả giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4

- UBND huyện: Trong năm 2020, tiếp nhận và giải quyết 568/1220 hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3, 4 (đạt tỷ lệ 46,6%).

- UBND các xã, thị trấn: Trong năm 2020, tiếp nhận và giải quyết 2.286/6240 hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3, 4 (đạt tỷ lệ 36,6%).

b) Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP

Thực hiện Công văn số 4585/UBND-KSTT ngày 12/5/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, UBND huyện đã ban hành Công văn số 2742/UBND ngày 19/5/2020 chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn triển khai và chỉ đạo cán bộ, công chức thực hiện nghiêm nội dung Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử theo đúng quy trình quy định tại Chương II, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; đăng ký tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao từ bản chính hoặc kiểm tra, xác thực kết quả chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

Đồng thời, UBND huyện đã rà soát, cung cấp thông tin đầu mối giải quyết TTHC đăng ký tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, báo cáo UBND tỉnh tại Công văn số 2903/UBND ngày 29/5/2020; toàn bộ công chức Phòng Tư pháp, cán bộ công chức xã, thị trấn đã đăng ký tài khoản trên cổng Dịch vụ hành chính công quốc gia để tham gia quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực bản sao điện tử.

UBND huyện đã ban hành Công văn số 5192/UBND ngày 16/10/2020 về việc triển khai thực hiện dịch vụ công chứng bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; yêu cầu Phòng Tư pháp, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm việc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; hướng dẫn các nội dung liên quan đến chứng thực bản sao điện tử từ bản chính theo hướng dẫn của Sở Tư pháp tại Công văn số 1237/STP-HCTP ngày 10/9/2020. Tuy nhiên, đến nay trên địa bàn huyện chưa phát sinh hồ sơ công dân yêu cầu chứng thực bản sao điện tử. Trong năm 2021, UBND huyện sẽ tiếp tục hướng dẫn, tăng cường công tuyên truyền để công dân biết, thực hiện.

8. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

UBND huyện tiếp tục duy trì chuyên trang Kiểm soát TTHC tại địa chỉ <http://camlam.khanhhoa.gov.vn/vi/chuyen-muc-udcntt/cai-cach-hanh-chinh> trên Cổng thông tin điện tử huyện, theo đó toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện được cập nhật, niêm yết điện tử trên chuyên trang theo

đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ. Đồng thời, thực hiện tạo liên kết giới thiệu Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>) trên trang chủ Cổng thông tin điện tử huyện tại địa chỉ <https://camlam.khanhhoa.gov.vn/>. Thực hiện Banner truyền thông về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tại địa chỉ <https://camlam.khanhhoa.gov.vn>.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về kiểm soát TTHC thông qua các cuộc họp thường kỳ, giao ban tuần, hội nghị của UBND huyện. Phát các tin, bài liên quan đến kiểm soát TTHC trên Hệ thống Truyền thanh huyện; đăng tin, bài về các quy định pháp luật, chỉ đạo của cấp trên về công tác CCHC, kiểm soát TTHC và công khai báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC hàng quý trên Cổng thông tin điện tử huyện.

Chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đơn vị; phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền rộng rãi đến người dân các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, tuyên truyền công tác cải cách TTHC, về các quy định hành chính; tăng cường việc tuyên truyền đến tổ chức, cá nhân về quyền của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia; khai thác, sử dụng Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị.

Truyền tải sâu sắc, sinh động mục tiêu của Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa là giúp người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh “một địa chỉ - có tất cả”, “làm thủ tục không cần phải đến cơ quan nhà nước”, kết hợp trong công tác truyền thông phòng, chống dịch Covid-19 tại cơ quan, địa phương trên Cổng thông tin điện tử huyện.

**** Việc tổ chức Hội nghị đối thoại với người dân, doanh nghiệp để giải đáp các vướng mắc, khó khăn về TTHC và giải quyết TTHC năm 2020 theo Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2020 của UBND tỉnh***

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 4988/KH-UBND ngày 30/9/2020 về việc tổ chức Hội nghị đối thoại với người dân, doanh nghiệp để giải đáp các vướng mắc, khó khăn về TTHC và giải quyết TTHC năm 2020. Nội dung của Hội nghị tập trung giải đáp những vướng mắc của người dân, doanh nghiệp về TTHC và giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã; tiếp thu những sáng kiến, giải pháp, kiến nghị, đề xuất nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết TTHC trên địa bàn huyện.

Trên cơ sở Kế hoạch của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn đã thực hiện tốt công tác phổ biến nội dung Kế hoạch này đến các thôn, tổ dân phố; niêm yết Kế hoạch tại Trụ sở UBND cấp xã; chỉ đạo cán bộ, công chức tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp đến giao dịch hồ sơ TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, xã, thị trấn đăng ký nội dung đối thoại đúng quy định; Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao tuyên truyền, thông báo nội dung Kế hoạch trên Hệ thống truyền thanh huyện để người dân, doanh nghiệp biết, đăng ký đối thoại. Tuy nhiên, từ ngày 01/10/2020 đến hết ngày 20/10/2020

(thời gian quy định để người dân, doanh nghiệp thực hiện gửi phiếu đăng ký tham gia đối thoại), UBND huyện, UBND các xã, thị trấn không nhận được phiếu đăng ký tham gia.

UBND huyện cũng đã gia hạn thêm thời gian đến hết ngày 30/10/2020 nhưng không có người dân, doanh nghiệp đăng ký tham gia *(UBND các xã, thị trấn đã có báo cáo cụ thể bằng văn bản gửi UBND huyện về kết quả đăng ký tham gia Hội nghị đối thoại năm 2020 tại địa phương)*. Vì vậy, năm 2020, UBND huyện không tổ chức Hội nghị đối thoại theo Kế hoạch đã đề ra.

9. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

Trong năm 2020, UBND huyện không có đề xuất sáng kiến cải cách TTHC.

10. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

a) Số lần kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC; hình thức kiểm tra; kết quả kiểm tra

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 3593/KH-UBND ngày 06/7/2020 về việc tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC tại 14 xã, thị trấn nhằm phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động kiểm soát TTHC năm 2020 của các địa phương.

Từ ngày 19/10/2020 đến ngày 27/10/2020, Đoàn kiểm tra Kiểm soát TTHC của UBND huyện đã tiến hành kiểm tra tại 14 xã, thị trấn theo đúng Kế hoạch *(theo dự kiến Đoàn sẽ tiến hành kiểm tra trong tháng 7, tháng 8 nhưng do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên tổ chức kiểm tra vào tháng 10/2020)*.

Đoàn kiểm tra tập trung kiểm tra các nội dung trọng tâm của công tác Kiểm soát TTHC như: Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC; việc thực hiện công khai TTHC, việc giải quyết TTHC; việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; việc rà soát, đánh giá TTHC; việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành; công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC...

Đoàn Kiểm tra đã tổng hợp kết quả kiểm tra và ban hành Báo cáo số 75/BC-ĐKT ngày 17/11/2020 về kết quả kiểm tra công tác kiểm soát TTHC năm 2020 theo đúng thời gian quy định; trong đó, yêu cầu các đơn vị khẩn trương khắc phục những hạn chế, thiếu sót và hướng dẫn thực hiện một số nội dung trọng tâm trong công tác Kiểm soát TTHC.

b) Việc khen thưởng cán bộ, công chức có thành tích, việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện TTHC

UBND huyện đã tiến hành xử lý kỷ luật đối với ông Nguyễn Thanh - công chức địa chính của xã Cam Phước Tây vì lý do giải quyết hồ sơ TTHC lĩnh vực đất đai trễ hạn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín cơ quan nhà nước, làm giảm mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của chính quyền địa phương theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Kết quả, UBND huyện đã ban hành

Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 về việc xử lý kỷ luật đối với công chức, Nguyễn Thanh; hình thức kỷ luật là hạ bậc lương.

11. Tình hình triển khai một số công việc phục vụ vận hành Cổng dịch vụ công quốc gia theo Văn bản số 12612/UBND-KSTT ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh

Thực hiện Chỉ đạo của UBND tỉnh Khánh Hòa tại Công văn số 12612/UBND-KSTT ngày 20/12/2019 về việc triển khai thực hiện một số công việc vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia, UBND huyện đã ban hành Công văn số 7270 ngày 30/12/2019 chỉ đạo các phòng, ban, ngành liên quan khẩn trương thực hiện tốt các nội dung chỉ đạo.

UBND huyện đã thực hiện đặt banner Cổng dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>) trên trang chủ Cổng thông tin điện tử huyện tại địa chỉ <https://camlam.khanhhoa.gov.vn/>. Đăng các tin, bài hướng dẫn tuyên truyền cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên Cổng thông tin điện tử huyện tại địa chỉ <http://camlam.khanhhoa.gov.vn>; tạo lập chuyên mục phát thanh hàng tuần trên hệ thống truyền thanh của huyện, địa phương nhằm tuyên truyền cho người dân biết đến và hướng dẫn CBCC thường xuyên theo dõi, hỗ trợ người dân trong việc giải quyết TTHC thuận lợi, thông suốt và đạt hiệu quả. Bố trí cán bộ, công chức làm đầu mối hỗ trợ người dùng kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc để đảm bảo việc thực hiện thuận lợi, thông suốt, hiệu quả.

Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền để cán bộ, công chức bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả nắm bắt những thông tin mới nhất về dịch vụ công trực tuyến. Từ đó, khuyến khích phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp thực hiện các TTHC trực tuyến như: nộp hồ sơ trực tuyến, bưu chính công, thanh toán trực tuyến... góp phần đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ công trong thực hiện cải cách hành chính. Luôn theo dõi, cập nhật kịp thời danh mục TTHC cấp huyện và cấp xã trên Cổng thông tin điện tử huyện để cho người dân, doanh nghiệp khai thác thông tin về TTHC.

12. Thống kê cụ thể danh mục TTHC thực hiện công khai, tiếp nhận, giải quyết; danh mục TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

(Đính kèm Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã được UBND huyện Cam Lâm, UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Cam Lâm thực hiện công khai, tiếp nhận, giải quyết cơ chế một cửa, một cửa liên thông).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Trong năm 2020, hoạt động kiểm soát TTHC của các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn đã được thực hiện theo đúng Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2020 của UBND huyện. Công tác tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị được thực hiện theo đúng quy định, các TTHC đã được cập nhật kịp thời và niêm yết công khai theo quy định, phục vụ tốt việc tra cứu TTHC cho cá nhân, tổ chức trên tất cả các lĩnh vực. Các phòng chuyên môn,

UBND các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC trên Phần mềm một cửa điện tử.

- Công tác kiểm soát TTHC đã đem lại hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Chất lượng phục vụ dịch vụ công ngày càng được nâng cao thông qua việc thực hiện và duy trì cơ chế một cửa, một cửa liên thông với các TTHC được cải cách theo hướng nhanh gọn, đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo 3 giảm: giảm thủ tục, giảm thời gian, giảm chi phí. Đồng thời, kết hợp với thái độ phục vụ tận tình, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức đến giải quyết TTHC, chỉ số hài lòng ngày càng được nâng cao. Công tác kiểm soát TTHC ngày càng góp phần thúc đẩy và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn huyện vẫn còn một số khó khăn, tồn tại và hạn chế, cụ thể:

- Công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC còn hạn chế, chưa thực sự huy động được hết các nguồn lực địa phương, các cá nhân, tổ chức tham gia cải cách TTHC.

- Công tác cập nhật các TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ còn gặp khó khăn do quy định của các TTHC thường xuyên thay đổi.

- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trong giải quyết TTHC còn cao, nhất là lĩnh vực tài nguyên và môi trường; cán bộ, công chức thường tập trung thực hiện hồ sơ giấy nên chậm xử lý trên Phần mềm dẫn đến hồ sơ trễ hạn, trên thực tế các hồ sơ này vẫn được giải quyết cho người dân đúng thời gian quy định.

- Phần mềm Một cửa điện tử thường xuyên chạy không ổn định, tốc độ truyền và tải dữ liệu chậm, phần mềm lỗi làm ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận và giải quyết TTHC; mặt khác, cán bộ, công chức thường tập trung thực hiện hồ sơ giấy để đảm bảo trả hồ sơ do người dân đúng hạn, chậm xử lý trên Phần mềm dẫn đến hồ sơ bị trễ hạn trên phần mềm, trên thực tế các hồ sơ này vẫn được giải quyết cho người dân đúng thời gian quy định.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

- Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo các phòng chuyên môn huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác kiểm soát TTHC: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC (đã được sửa đổi, bổ sung); Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung); Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Quyết định số 574/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý và trả lời

phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử Chính phủ; Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ về quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ...

- Xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát TTHC năm 2021 của UBND huyện trên cơ sở các nhiệm vụ trọng tâm được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2021.

- Xây dựng quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC của UBND huyện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ và Quy chế của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành.

- Cập nhật kịp thời và niêm yết công khai tất cả các TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

- Chỉ đạo quyết liệt các cơ quan chuyên môn huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo công khai, minh bạch; giải quyết thủ tục hành chính đúng thời hạn, thẩm quyền và trình tự thủ tục quy định trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã.

- Giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến quy định hành chính, hành vi hành chính. Bảo đảm sự hài lòng cho tổ chức, cá nhân khi đến giải quyết TTHC trên địa bàn huyện.

- Xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra công tác kiểm soát TTHC năm 2021 tại các phòng chuyên môn và UBND các xã, thị trấn.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác kiểm soát TTHC cho cán bộ, công chức phụ trách kiểm soát TTHC của các phòng chuyên môn và đầu mối kiểm soát TTHC của UBND các xã, thị trấn.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

UBND huyện kiến nghị cập nhật lại các TTHC thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo cấp huyện được cập nhật trên Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa còn thiếu và thừa như sau:

- + Chưa công bố 03 TTHC: “Quy trình đánh giá xếp loại Cộng đồng học tập cấp xã”; “Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu”; “Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc THCS”.

- + Công bố thừa 03 TTHC: “Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia”; “Cấp chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục”; “Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa”.

+ Các TTHC: Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên (chưa cập nhật thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ); Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (chưa cập nhật thời gian giải quyết).

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2020 của UBND huyện Cam Lâm./.

(Đính kèm các Biểu mẫu 04b, 05a, 06b, 07b; Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã được thực hiện công khai, tiếp nhận, giải quyết cơ chế một cửa, một cửa liên thông).

Nơi nhận: (VBĐT) *Thanh*

- UBND tỉnh K/Hòa;
- P.KSTTHC- VP.UBND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng TTĐT (đăng tin);
- Lưu: VT, TD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Phạm Thùy Ngân

UBND HUYỆN CAM LÂM**PHỤ LỤC****Danh mục TTHC được UBND huyện công khai, tiếp nhận, giải quyết cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	1.003605.000.00.00.H32	Nông nghiệp	983/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	Chưa ban hành	
2	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	1.003319.000.00.00.H32	Kinh tế hợp tác và PTNT	2990/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	Chưa ban hành	
3	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	1.003281.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
4	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp huyện)	1.003434.000.00.00.H32	nt	340/QĐ-UBND ngày 30/01/2019	Chưa ban hành	
5	Xác nhận bảng kê lâm sản (cấp huyện)	1.000037.000.00.00.H32	Lâm nghiệp	2543/QĐ-UBND ngày 06/8/2019	Chưa ban hành	
6	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	1.007919.000.00.00.H32	nt	532/QĐ-UBND 16/3/2020	955/QĐ-UBND ngày 27/4/2020	
7	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.003956.000.00.00.H32	Thủy sản	2543/QĐ-UBND ngày 06/8/2019	10/QĐ-UBND ngày 06/01/2020	
8	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.004498.000.00.00.H32	nt	nt	10/QĐ-UBND ngày 06/01/2020	
9	Công bố mở cảng cá loại 3	1.004478.000.00.00.H32	nt	nt	10/QĐ-UBND ngày 06/01/2020	
10	Thủ tục thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do	2.001 627.000.00.00.H32	Thủy lợi	2990/QĐ-UBND	Chưa ban hành	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt)			ngày 26/9/2019		
11	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003456.000.00.00.H32	nt	340/QĐ-UBND ngày 30/01/2019	Chưa ban hành	
12	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003459.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
13	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003471.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
14	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003347.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
15	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	1.004442.000.00.00.H32	GD&ĐT	2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
16	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1.004444.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	
17	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	1.004475.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	
18	Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở	2.001809.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	
19	Giải thể trường trung học cơ sở	2.001818.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
20	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	1.004545.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	
21	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	2.001839.000.00.00.H32	GD&ĐT	1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018	Chưa ban hành	
22	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc bán trú	2.001837.000.00.00.H32	GD&ĐT	2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
23	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	2.001824.000.00.00.H32	GD&ĐT	1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018	Chưa ban hành	
24	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	1.004555.000.00.00.H32	GD&ĐT	2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
25	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	2.001842.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	
26	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1.004552.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	
27	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học	1.004563.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	
28	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1.001639.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	
29	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1.004439.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	
30	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1.004440.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	
31	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở	1.004487.000.00.00.H32	GD&ĐT	1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018	Chưa ban hành	
32	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1.004496.000.00.00.H32	GD&ĐT	2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
33	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho	1.004494.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ tư thực					
34	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1.006390.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	
35	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	285382-01	GD&ĐT	nt	nt	
36	Sáp nhập, chia tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	285380-01	GD&ĐT	nt	nt	
37	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	1.008724.000.00.00.H32	GD&ĐT	2937/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	Chưa ban hành	
38	Chuyển đổi trường tiểu học tư thực, trường trung học cơ sở tư thực và trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	1.008725	GD&ĐT	nt	Chưa ban hành	
39	Xét, cấp học bổng chính sách	1.002407.000.00.00.H32	GD&ĐT	2938/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	Chưa ban hành	
40	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo y/cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	1.004515.000.00.00.H32	GD&ĐT	1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018	Chưa ban hành	
41	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	1.005106.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	Chưa ban hành	
42	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	1.005097.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	Chưa ban hành	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
43	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	1.000280.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	Chưa ban hành	
44	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	2.001908.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	Chưa ban hành	
45	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	2.001912.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	Chưa ban hành	
46	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	1.004831.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	Chưa ban hành	
47	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	1.005108.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	Chưa ban hành	
48	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	1.004438.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	Chưa ban hành	
49	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1.003702.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	Chưa ban hành	
50	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	Chưa ban hành	
51	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên	1.005144.000.00.00.H32	GD&ĐT	2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
52	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	1.005090.000.00.00.H32	GD&ĐT	1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018	Chưa ban hành	
53	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	1.005092.000.00.00.H32	GD&ĐT	840/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	1975/QĐ-UBND ngày 4/8/2020	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
54	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	2.001914.000.00.00.H32	GD&ĐT	nt	nt	
55	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1.001622.000.00.00.H32	Giáo dục mầm non	3084/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	Chưa ban hành	
56	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1.008950.000.00.00.H32	Giáo dục mầm non	nt	Chưa ban hành	
57	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1.008951.000.00.00.H32	Giáo dục mầm non	nt	Chưa ban hành	
58	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	1.005099.000.00.00.H32	Giáo dục tiểu học	3104/QĐ-UBND ngày 18/11/2020	Chưa ban hành	
59	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	1.004138.000.00.00.H32	Môi trường	2824/QĐ-UBND ngày 19/10/2020	887/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	
60	Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất	1.001662	Tài nguyên nước	1195/QĐ-UBND ngày 26/5/2020	2030/QĐ-UBND ngày 07/08/2020	
61	Thủ tục lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	1.001645	Tài nguyên nước	nt	2030/QĐ-UBND ngày 07/08/2020	
62	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	1.003836.000.00.00.H32	Đất đai	1003/QĐ-UBND ngày 09/04/2019	1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	
63	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	1.002335.000.00.00.H32	Đất đai	nt	nt	
64	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	2.000379.000.00.00.H32	Đất đai	nt	nt	
65	Thủ tục đăng ký biến động đối với	1.000755.000.00.00.H32	Đất đai	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất					
66	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện – Trường hợp GCN do UBND huyện cấp	1.002969.000.00.00.H32	Đất đai	nt	nt	
67	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	1.000.798.000.00.00.H32	Đất đai	2154/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	3235/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	
68	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	2.000381.000.00.00.H32	Đất đai	2154/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	3235/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	
69	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	2.001234.000.00.00.H32	Đất đai	2154/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	3235/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	
70	Xét tặng Giấy khen khu dân cư văn hóa	1.00933.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
71	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	2.00440.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
72	Cấp phép đủ điều kiện kinh doanh Karaoke	1.00903.000.00.00.H32	nt	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
73	Cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	1.000831.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
74	Công nhận lần đầu “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	1.004646.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
75	Công nhận lại “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	1.004644.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
76	Công nhận lần đầu “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	1.004634.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
77	Công nhận lại “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	1.004622.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
78	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, ‘Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	1.004648.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
79	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1.001874.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
80	Cấp giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.003243.000.00.00.H32	Gia đình	nt	nt	
81	Cấp lại giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.003226.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
82	Đổi giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.003185.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
83	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1.003140.00.00.00.H32	nt	nt	nt	
84	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống	1.003103.000.00.00.H32	nt	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	bạo lực gia đình					
85	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp trò chơi điện tử công cộng	2.001880.000.00.00.H32	Thông tin điện tử	2392/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	2858/QĐ-UBND ngày 06/9/2019	
86	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp trò chơi điện tử cho các cá nhân, tổ chức	2.001884.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
87	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001786.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
88	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp trò chơi điện tử công cộng cho tổ chức, cá nhân	2.001885.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
89	Khai báo hoạt động cơ sở photocopy	2.001931.000.00.00.H32	Xuất bản	nt	nt	
90	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	2.001762.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
91	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1.008899.000.00.00.H32	Thư viện	2946/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	Chưa ban hành	
92	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1.008898.000.00.00.H32	Thư viện	nt	Chưa ban hành	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
93	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1.008900.000.00.00.H32	Thư viện	nt	Chưa ban hành	
94	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội	1.003645.000.00.00.H32	Lễ hội	nt	Chưa ban hành	
95	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	1.003635.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
96	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	2.001375.000.00.00.H32	Người có công	2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018	Chưa ban hành	
97	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	2.001378.000.00.00.H32	Người có công	nt	Chưa ban hành	
98	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	2.001960.000.00.00.H32	Giảm nghèo	nt	Chưa ban hành	
99	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004.946	Trẻ em	nt	Chưa ban hành	(*)
100	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004.944	Trẻ em	1066/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	Chưa ban hành	(*)
101	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	478/QĐ-UBND ngày 20/02/2019	2193/QĐ-UBND ngày 01/7/2019	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
102	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001758.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	nt	
103	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001753.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	nt	
104	Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1.000669.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	nt	
105	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	2.000294.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	nt	
106	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018	Chưa ban hành	
107	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng	1.001731.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	Chưa ban hành	
108	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	2.000777.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	1066/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	Chưa ban hành	
109	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	2.000291.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018	Chưa ban hành	
110	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài	2.000298.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	Chưa ban hành	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội					
111	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và XH cấp	1.000.684	Bảo trợ xã hội	nt	Chưa ban hành	(*)
112	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	1.000674.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	Chưa ban hành	
113	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	2.000.282	Bảo trợ xã hội	nt	Chưa ban hành	(*)
114	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	2.002105.000.00.00.H32	Lao động ngoài nước	1064/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	Chưa ban hành	
115	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động	1.004954.000.00.00.H32	Lao động tiền lương	1831/QĐ-UBND ngày 12/6/2019	2342/QĐ-UBND ngày 17/7/2019	
116	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	1.004959.000.00.00.H32	Lao động tiền lương	1606/QĐ-UBND ngày 06/6/2018	Chưa ban hành	
117	Thủ tục Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	1.000570	Giáo dục nghề nghiệp	1195/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	Chưa ban hành	(*)
118	Thủ tục Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	1.000584	Giáo dục nghề nghiệp	nt	Chưa ban hành	(*)

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
119	Thủ tục Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	1.000602	Giáo dục nghề nghiệp	QĐ số 1281/QĐ-UBND ngày 04/5/2019	QĐ số 2193/QĐ-UBND ngày 01/7/2019	(*)
120	Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	2.002284.000.00.00.H32	Giáo dục nghề nghiệp	929/QĐ-UBND ngày 23/4/2020	1453/QĐ-UBND ngày 23/06/2020	
121	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.001228.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 -	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
122	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	2.000267.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
123	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	1.000316.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
124	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	1.001220.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
125	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn	1.001212.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	hoạt động ở một huyện					
126	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	1.001204.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
127	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	1.001199.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
128	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.001180.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
129	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	2.000414.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	2404/QĐ-UBND ngày 22/8/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
130	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	2.000402.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt	
131	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	1.000843.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt	
132	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	2.000385.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt	
133	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	2.000374.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt	
134	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt	1.000804.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	xuất					
135	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	2.000364.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt	
136	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình	2.000356.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt	
137	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	1.003719.000.00.00.H32	Lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước	3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	nt	
138	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	1.003693.000.00.00.H32	Lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước	nt	nt	
139	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	1.003735.000.00.00.H32	Lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước	nt	nt	
140	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	1.003841.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
141	Thủ tục thành lập Hội cấp huyện	1.003827.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
142	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	1.003807.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
143	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	1.003783.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
144	Thủ tục đổi tên hội	1.003757.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
145	Thủ tục hội tự giải thể	1.003732.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
146	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường cấp huyện	2.002100.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
147	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.005209.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
148	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ cấp huyện	1.005208.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
149	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	2.001567.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
150	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	1.003889.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
151	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.005206.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
152	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1.005205.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
153	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ cấp huyện	1.005204.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
154	Thủ tục đổi tên quỹ cấp huyện	1.005203.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
155	Thủ tục quỹ tự giải thể	1.005202.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
156	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe cấp huyện	1.005358.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
157	Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	1.005201.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt	
158	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh;	1.001612.000.00.00.H32	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	2108/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	901/QĐ-UBND ngày 21/04/2020	
159	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh;	2.000720.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
160	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh;	1.001570.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
161	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh;	1.001266.000.00.00.H32	nt	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
162	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;	2.000575.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
163	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005377.000.00.00.H32	Thành lập và hoạt động của HTX (liên hiệp HTX)	2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	901/QĐ-UBND ngày 21/04/2020	
164	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	2.001958.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
165	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	1.004979.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
166	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	1.004982.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
167	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	2.001973.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
168	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	1.004972.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
169	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	1.004895.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
170	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	1.004901.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
171	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005010.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
172	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	1.005121.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
173	Đăng ký khi hợp tác xã tách	2.002120.000.00.00.H32	nt	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
174	Đăng ký khi hợp tác xã chia	2.002122.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
175	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005378.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
176	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	1.005277.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
177	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	2.002123.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
178	Đăng ký thành lập hợp tác xã	1.005280.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
179	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản;	013.02.008	Quản lý công sản	1393/QĐ-UBND ngày 23/5/2018	Chưa ban hành	
180	Mua quyền hóa đơn;	1.005434.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
181	Mua hóa đơn lẻ;	1.005435.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
182	Thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;	013.02.016	nt	1031/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	Quyết định 1032/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	
183	Thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước;	013.02.017	nt	nt	nt	
184	Thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;	013.02.018	nt	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
185	Điều chuyển tài sản công;	013.02.019	nt	nt	nt	
186	Bán tài sản công;	013.02.020	nt	nt	nt	
187	Bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;	013.02.021	nt	nt	nt	
188	Hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công;	013.02.022	nt	nt	nt	
189	Thanh lý tài sản công;	013.02.023	nt	nt	nt	
190	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	2.000620.000.00.00.H32	Lưu thông hàng hóa trong nước	1520/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Chưa ban hành	Chưa cập nhật theo NĐ số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
191	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	2.000615.000.00.00.H32	nt	nt	nt	Chưa cập nhật theo NĐ số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
192	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	2.001240.000.00.00.H32	nt	nt	nt	Chưa cập nhật theo NĐ số 17/2020/NĐ

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
						-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
193	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000633.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
194	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000629.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
195	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.001279.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
196	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000181.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
197	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000162.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
198	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
199	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai	2.001283.000.00.00.H32	Kinh doanh khí	3128/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	nt	
200	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai	2.001270.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
201	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai	2.001261.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
202	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2.000599.000.00.00.H32	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	1520/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	nt	
203	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.000473.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
204	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều	1.002662.000.00.00.H32	Xây dựng – Quy	3988/QĐ-UBND	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện - Thẩm định quy hoạch chi tiết (theo Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định 37/2010)		hoạch - Kiến trúc	ngày 27/12/2017		
205	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện - Thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo Luật Xây dựng và Nghị định 44/2015)	1.002662.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
206	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	1.003141.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
207	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	Không có	Hoạt động xây dựng	nt	nt	
208	Cấp GPXD (GPXD mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc	1.007262.000.00.00.H32	nt	nt	nt	Trên cổng dịch vụ công chia ra nhiều thủ tục

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. + Cấp phép xây dựng công trình + Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ					
209	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. + Đ/chỉnh giấy phép xây dựng công trình + Đ/chỉnh giấy phép x.dựng nhà ở riêng lẻ + Gia hạn, cấp lại GPXD công trình, nhà ở riêng lẻ	Không có	nt	nt	nt	Trên cổng dịch vụ công chia ra nhiều thủ tục
210	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	1.007763	Xây dựng - Nhà ở	nt		
211	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1.002693.000.00.00.H32	Xây dựng - Hạ tầng kỹ thuật	nt	nt	
212	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông để thực hiện: Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; điểm trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình.	1.008711	Giao thông	660/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	nt	Trên cổng dịch công không có TTHC lĩnh vực giao thông
213	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích	1.008712	Giao thông	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	giao thông đối với: Điểm trông, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị					
214	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường để trông, giữ xe có thu phí.	1.008710	Giao thông	nt	nt	
215	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	2.001711.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	2853/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	nt	
216	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	1.004002.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
217	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	1.003930.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
218	Xóa đăng ký phương tiện.	2.001659.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
219	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
220	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
221	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
222	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
223	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi	1.006391.000.00.00.H32	nt	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác					
224	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000528.000.00.00.H32	Hộ tịch	2882/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
225	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000806.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
226	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1.001766.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
227	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2.000779.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
228	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.001695.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
229	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1.001669.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
230	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2.000756.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
231	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	2.000748.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
232	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002189.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
233	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.000554.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
234	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ,	2.000547.000.00.00.H32	nt	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)					
235	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000522.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
236	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.000893.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
237	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000513.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
238	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2.000497.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
239	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	2.000635.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
240	Cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908.000.00.00.H32	Chứng thực	1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018	Chưa ban hành	
241	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000815.000.00.00.H32	nt	2311/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	Chưa ban hành	
242	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2.000843.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
243	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	2.000884.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
244	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2.000913.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
245	Thủ tục sửa lỗi sai trong hợp đồng, giao dịch	2.000927.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
246	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2.000942.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
247	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	2.000992.000.00.00.H32	nt	2311/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	Chưa ban hành	
248	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	2.001008.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
249	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	2.001044.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
250	Thủ tục chứng thực văn bản thảo thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	2.001050.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
251	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	2.001052.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
252	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	2.000979.000.00.00.H32	Hòa giải cơ sở	2953/QĐ-UBND ngày 04/10/2018	Chưa ban hành	
253	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật huyện	2.001489.000.00.00.H32	Phổ biến, giáo dục pháp luật	315/QĐ-UBND ngày 26/01/2018	Chưa ban hành	
254	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện	2.001475.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành	
255	Thủ tục phục hồi danh dự	1.005462.000.00.00.H32	Bồi thường nhà nước	3271/QĐ-UBND 30/10/2018	147/QĐ-UBND 20/01/2020	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
256	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	2.002190.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
257	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp huyện	2.002186.000.00.00.H32	Khiếu nại, tố cáo	3596/QĐ-UBND ngày 26/11/2019	1629/QĐ-UBND ngày 06/07/2020	
258	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	2.001879.000.00.00.H32	nt	474/QĐ-UBND ngày 09/02/2018	1629/QĐ-UBND ngày 06/07/2020	
259	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2 tại cấp huyện	2.001920.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
260	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	2.001927.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
261	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	2.002174.000.00.00.H32	nt	nt	nt	
262	Thủ tục Thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	2001790	Phòng, chống tham nhũng	nt	nt	
263	Thủ tục Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	2001907	nt	nt	nt	
264	Thủ tục Xác minh tài sản, thu nhập	2001905	nt	nt	nt	
265	Thủ tục Tiếp nhận yêu cầu giải trình	2.001798	nt	nt	nt	
266	Thủ tục Thực hiện việc giải trình	2.001797	nt	nt	nt	
267	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	1.002425	An toàn thực phẩm	1946/QĐ-UBND ngày 17/6/2019	2827/QĐ-UBND ngày 03/9/2019	

PHỤ LỤC

Danh mục TTHC UBND cấp xã được công khai, tiếp nhận, giải quyết cơ chế một cửa, một cửa liên thông

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
1	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.001167.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	932/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	392/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
2	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001156.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
3	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	1.001109.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
4	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	1.001098.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
5	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001090.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
6	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.001085.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
7	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.001078.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
8	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001055.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
9	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	1.001028.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
10	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	2.000509.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt	
11	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.004875.000.00.00.H32	Dân tộc	1401/QĐ-UBND ngày 23/5/2018	Chưa ban hành	
12	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.004888.000.00.00.H32	Dân tộc	nt		

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
13	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	1.000775.000.00.00.H32	Thi đua, Khen thưởng	2403/QĐ-UBND ngày 22/8/2018	392/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
14	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	2.000346.000.00.00.H32	Thi đua, Khen thưởng	nt	nt	
15	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	2.000337.000.00.00.H32	Thi đua, Khen thưởng	nt	nt	
16	Tặng giấy khen của chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	1.000748.000.00.00.H32	Thi đua, Khen thưởng	nt	nt	
17	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	2.000305.000.00.00.H32	Thi đua, Khen thưởng	nt	nt	
18	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	2.001810.000.00.00.H32	Giáo dục và đào tạo	1675/QĐ-UBND ngày 14/6/2018	Chưa ban hành	
19	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004485.000.00.00.H32	Giáo dục và đào tạo	2440/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	469/QĐ-UBND ngày 05/3/2020	
20	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	1.004443.000.00.00.H32	Giáo dục và đào tạo	nt	nt	
21	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004492.000.00.00.H32	Giáo dục và đào tạo	nt	nt	
22	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	1.004441.000.00.00.H32	Giáo dục và đào tạo	nt	nt	
23	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	2.001382.000.00.00.H32	Người có công	2128/QĐ-UBND ngày 26/7/2018	Chưa ban hành	
24	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	1.003337.000.00.00.H32	Người có công	nt	nt	
25	Xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016 – 2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	2.000602.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	874/QĐ-UBND ngày 04/4/2018	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
26	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	1740/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	2194/QĐ-UBND ngày 01/7/2019	
27	Đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật	1.001653.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	nt	
28	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	874/QĐ-UBND ngày 04/4/2018	Chưa ban hành	
29	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	nt	
30	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	383/QĐ-UBND ngày 01/02/2018	nt	
31	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia	1.004964.000.00.00.H32	Cho thuê lại lao động	1602/QĐ-UBND ngày 06/6/2018	nt	
32	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	1.000506.000.00.00.H32	Giảm nghèo	83/QĐ-UBND ngày 09/01/2019	nt	
33	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	1.000489.000.00.00.H32	Giảm nghèo	nt	nt	
34	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004946	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	1067/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	nt	(*)
35	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2.001947.000.00.00.H32	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	nt	nt	
36	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em.	1.004941.000.00.00.H32	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	nt	nt	
37	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ	2.001944.000.00.00.H32		nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Công dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em		Bảo vệ chăm sóc trẻ em			
38	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004944	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	2128/QĐ-UBND ngày 26/7/2018	nt	
39	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2.001942.000.00.00.H32	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	nt	nt	
40	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	1.000132.000.00.00.H32	Phòng, chống TNXH	3570/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	nt	
41	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	1.003521.000.00.00.H32	Phòng, chống TNXH	nt	nt	
42	Đăng ký khai sinh	1.001193.000.00.00.H32	Hộ tịch	2620/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	657/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	
43	Đăng ký kết hôn	1.000894.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
44	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
45	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000689.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
46	Đăng ký khai tử	1.000656.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
47	Đăng ký khai sinh lưu động	1.003583.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
48	Đăng ký kết hôn lưu động	1.000593.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
49	Đăng ký khai tử lưu động	1.000419.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
50	Đăng ký giám hộ	1.004837.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
51	Đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
52	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch	1.004859.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
53	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
54	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ,	1.004772.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	giấy tờ cá nhân					
55	Đăng ký lại khai sinh	1.004884.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
56	Đăng ký lại kết hôn	1.004746.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
57	Đăng ký lại khai tử	1.005461.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
58	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	2.000635.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt	
59	Cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908.000.00.00.H32	Chứng thực	1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018	Chưa ban hành	
60	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000815.000.00.00.H32	Chứng thực	2311/QĐ-UBND Ngày 01/9/2020	3282/QĐ-UBND Ngày 09/12/2020	
61	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	2.000884.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt	
62	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2.000843	Chứng thực	nt	nt	
63	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2.000913.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt	
64	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng giao dịch	2.000927.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt	
65	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2.000942.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt	
66	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001035.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
67	Chứng thực di chúc	2.001019.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt	
68	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2.001016.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt	
69	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001406.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt	
70	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001009.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt	
71	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	2.001263.000.00.00.H32	Nuôi con nuôi	2449/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Chưa ban hành	
72	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255.000.00.00.H32	Nuôi con nuôi	nt	nt	
73	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	2.002165.000.00.00.H32	Bồi thường nhà nước	3272/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	nt	
74	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	2.001449.000.00.00.H32	Phổ biến, GDPL	316/QĐ-UBND ngày 26/01/2018	nt	
75	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	2.001457.000.00.00.H32	Phổ biến, GDPL	nt	nt	
76	Công nhận hòa giải viên	2.000373.000.00.00.H32	Hòa giải cơ sở	2954/QĐ-UBND ngày 04/10/2018	nt	
77	Công nhận Tổ trưởng tổ hòa giải	2.000333.000.00.00.H32	Hòa giải cơ sở	nt	nt	
78	Thôi làm hòa giải viên	2.000930.000.00.00.H32	Hòa giải cơ sở	nt	nt	
79	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2.002080.000.00.00.H32	Hòa giải cơ sở	nt	nt	
80	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ	1.002192	Dân số - KHHGD	2878/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	3171/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	
81	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	2.000794.000.00.00.H32	Thể thao	678/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	1289/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
82	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	1.000954.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
83	Xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa	1.001120.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	nt	nt	
84	Thông báo tổ chức lễ hội	1.003622.000.00.00.H32	Lễ hội	nt	nt	
85	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	1.004082.000.00.00.H32	Khoa học công nghệ và Môi trường	2678 ngày 05/10/2020	Chưa ban hành	
86	Nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiên, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn phợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2.001621.000.00.00.H32	Thủy lợi	2841/QĐ-UBND ngày 25/9/2018	nt	
87	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND xã	1.003440.000.00.00.H32	Thủy lợi	341/QĐ-UBND ngày 30/01/2019	nt	
88	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND xã	1.003446.000.00.00.H32	Thủy lợi	nt	nt	
89	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	1.003596.000.00.00.H32	Nông nghiệp	985/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	nt	
90	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	2.002163.000.00.00.H32	Phòng, chống thiên tai	3185/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	nt	
91	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	2.002162.000.00.00.H32	Phòng, chống thiên tai	nt	nt	
92	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai	2.002161.000.00.00.H32	Phòng, chống thiên tai	nt	nt	
93	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	1.008004.000.00.00.H32	Trồng trọt	402/QĐ-UBND ngày 21/02/2020	954/QĐ-UBND ngày 27/4/2020	
94	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	1.005364.000.00.00.H32	DS&KHHGĐ	1947/QĐ-UBND ngày 17/6/2019	3667/QĐ- UBND	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
					ngày 04/12/2019	
95	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ em được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	1.002192.000.00.00.H32	DS&KHHGD	3094/QĐ-UBND ngày 18/10/2018	Chưa ban hành	
96	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.002150.000.00.00.H32	DS&KHHGD	nt	nt	
97	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh	1.003564.000.00.00.H32	DS&KHHGD	nt	nt	
98	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa xã)	Không có	Đất đai	Chưa ban hành	1590/QĐ- UBND ngày 23/5/2019	
99	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa xã)	Không có	Đất đai	nt	nt	
100	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất (trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa xã)	Không có	Đất đai	nt	nt	
101	Thủ tục đăng ký thay đổi bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp (trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa xã)	Không có	Đất đai	nt	nt	
102	Hòa giải tranh chấp đất đai	1.003554.000.00.00.H32	Đất đai	301/QĐ-UBND ngày 26/01/2018	2039/QĐ-UBND Ngày 07/8/2020	
103	Tiếp công dân tại cấp xã	2.001909.000.00.00.H32	Khiếu nại, Tố cáo	475/QĐ-UBND	1423/QĐ-UBND	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
				ngày 09/02/2018	Ngày 18/6/2020	
104	Xử lý đơn tại cấp xã	2.001801.000.00.00.H32	Khiếu nại, Tố cáo	nt	nt	
105	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2.001925.000.00.00.H32	Khiếu nại, Tố cáo	nt	nt	
106	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	1.005460.000.00.00.H32	Khiếu nại, Tố cáo	3597/QĐ-UBND ngày 26/11/2019	nt	
107	Thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	2.001790	Phòng, chống tham nhũng	475/QĐ-UBND ngày 09/02/2018	Chưa ban hành	(*)
108	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	2.001907.000.00.00.H32	Phòng, chống tham nhũng	nt	nt	
109	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	2.001798.000.00.00.H32	Phòng, chống tham nhũng	nt	nt	
110	Thực hiện việc giải trình	2.001797.000.00.00.H32	Phòng, chống tham nhũng	nt	nt	
111	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính kỹ thuật	2.001711.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	2853/QĐ-UBND Ngày 20/10/2020	nt	
112	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt	
113	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt	
114	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2.001659.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt	
115	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt	
116	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt	
117	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ	1.004036.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	quan đăng ký phương tiện thủy nội địa					
118	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt	
119	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391	Đường thủy nội địa	nt	nt	(*)
120	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	1.005412.000.00.00.H32	Bảo hiểm	3251/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	nt	
121	Thông báo thành lập tổ hợp tác	2.002226.000.00.00.H32	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	101/QĐ-UBND ngày 14/01/2020	3073/QĐ-UBND Ngày 12/11/2020	
122	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	2.002227.000.00.00.H32	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	nt	nt	
123	Thông báo chấm dứt tổ hợp tác	2.002228.000.00.00.H32	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	nt	nt	
124	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.000986.000.00.00.H32	Liên thông các TTHC	1187/QĐ-UBND ngày 27/4/2017	chưa ban hành	
125	Liên thông các thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.001023.000.00.00.H32	Liên thông các TTHC	nt	nt	
126	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng) hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí	Không có	Liên thông các TTHC	147/QĐ-UBND ngày 14/01/2019	710/QĐ-UBND ngày 13/3/2019	
127	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	mạng từ trần					
128	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại công đồng)	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	
129	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo 290/2005/Quyết định-TTg ngày 08/11/2005, 188/2007/Quyết định-TTg ngày 06/12/2007	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	
130	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐCP ngày 12/12/2006 hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh cưu cữu chiến binh	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	
131	liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo 62/2011/Quyết định-TTg ngày 9/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia-a, giúp bạn lao sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	
132	liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí	Không có		nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo 49/2015/Quyết định-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hòa tuyến tham gia kháng chiến chống pháp, chống mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế		Liên thông các TTHC			
133	Liên thông Trường hợp xóa đăng ký thường trú thuộc thẩm quyền giải quyết của công an cấp huyện	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	
134	Liên thông Trường hợp xóa đăng ký thường trú thuộc thẩm quyền giải quyết của công an cấp xã.	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	
135	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	
136	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công cách mạng từ trần.	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	
137	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	
138	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo 290/2005/Quyết định-TTg ngày 08/11/2005, 188/2007/Quyết định-TTg	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
	ngày 06/12/2007					
139	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh cựu chiến binh.	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	
140	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo 62/2011/Quyết định-TTg ngày 09/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm – pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	
141	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định 49/2015/Quyết định-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân hòa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt	
142	Tách sổ hộ khẩu	1.004214	Đăng ký, quản lý cư trú	5551/QĐ-BCA-V19 ngày 25/9/2015	Chưa ban hành	(*)
143	Cấp lại sổ hộ khẩu	1.003828	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
144	Cấp giấy chuyển hộ khẩu	1.003182	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
145	Xóa đăng ký thường trú	1.003197	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
146	Xác nhận việc trước đây đã đăng Ký thường trú	1.004196	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Ghi chú
147	Cấp đổi sổ tạm trú	1.004192	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
148	Lưu trú và tiếp nhận lưu trú	2.001159	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
149	Khai báo tạm vắng	1.003677	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
150	Đăng ký thường trú	1.004222	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
151	Đăng ký tạm trú	1.004194	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
152	Điều chỉnh những thông tin thay đổi trong sổ hộ khẩu	1.001170	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
153	Cấp đổi sổ hộ khẩu	2.001764	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
154	Hủy bỏ kết quả đăng ký thường trú trái pháp luật	2.002086	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
155	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú	1.003706	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
156	Hủy bỏ kết quả đăng ký tạm trú trái pháp luật	1.001126	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt	(*)
157	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền giải phê duyệt của UBND cấp xã	2.000206	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	1521/QĐ-UBND Ngày 25/6/2020	Chưa ban hành	
158	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền giải phê duyệt của UBND cấp xã	2.000184	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	nt	nt	
159	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008901	Thư viện	2944/QĐ-UBND Ngày 29/10/2020	nt	
160	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008902	Thư viện	nt	nt	
161	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	1.008903	Thư viện	nt	nt	

(*) Thủ tục này chưa được tỉnh Khánh Hòa đăng trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Tổng cộng 161 TTHC.

Biểu số II.04/VPCP/KSTT

KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
Kỳ báo cáo: Năm 2020
(Từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/12/2020)

- Đơn vị báo cáo:
 UBND huyện Cam Lâm
- Đơn vị nhận báo cáo:
 UBND tỉnh Khánh Hòa

STT	Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch	Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa	Phương án đơn giản hóa TTHC						Số tiền tiết kiệm được	Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa
			Số lượng TTHC giữ nguyên	Số lượng TTHC bãi bỏ	Số lượng TTHC sửa đổi bổ sung	Số lượng TTHC thay thế	Số lượng TTHC liên thông	Số lượng TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
RÀ SOÁT THEO KẾ HOẠCH RÀ SOÁT CỦA UBND TỈNH <i>(Rà soát đối với lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp huyện, cấp xã theo Phụ lục 2 - danh mục TTHC rà soát, đơn giản hóa năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh)</i>											
1. Đối với lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp huyện											
	23	23	23	0	0	0	0	0	0	0	100%
2. Đối với lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp xã											
	5	5	5	0	0	0	0	0	0	0	100%

Biểu số IL.05a/VPCP/KSTT

KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
Kỳ báo cáo: Năm 2020
(Từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/12/2020)

- Đơn vị báo cáo:
UBND huyện Cam Lâm
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: Số PAKN

Stt	Tên ngành, lĩnh vực có PANK	Số lượng PAKN được tiếp nhận					Kết quả xử lý PAKN								Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý				Đang xử lý				
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính	
								Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)=(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10)=(11)+(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)	(14)	(15)	(16)
1	Lĩnh vực đất đai	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1
TỔNG CỘNG		1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1



Biểu số II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ”
TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**
Kỳ báo cáo: Năm 2020
(Từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/12/2020)

- Đơn vị báo cáo:
UBND huyện Cam Lâm
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa

KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ, HUYỆN

Đơn vị tính: TTHC, %.

STT	Lĩnh vực	Cấp xã		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
1	Lĩnh vực chứng thực	2/11	18%	4/12	33%

Ghi chú: Các TTHC thuộc lĩnh vực chứng thực được thực hiện “4 tại chỗ” tại huyện Cam Lâm gồm:

a) UBND cấp xã

- Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.
- Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản,

b) UBND huyện

- Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
- Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
- Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)
- Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp

Biểu số IL.06b/VPCP/KSTT



**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Năm 2020

(Từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/12/2020)

- Đơn vị báo cáo:

UBND huyện Cam Lâm.

- Đơn vị nhận báo cáo:

UBND tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

Stt	Lĩnh vực	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
I. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND huyện												
1	Lĩnh vực Tư pháp	774	60	712	2	774	773	0	1	0	0	0
2	Lĩnh vực Kinh tế và Hạ tầng	150	114	33	3	150	146	0	4	0	0	0
3	Lĩnh vực Nông nghiệp&PTNT	2	1	0	1	2	2	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh, quản lý công sản	714	296	413	5	714	708	0	6	0	0	0
5	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng	190	3	183	4	190	189	0	1	0	0	0
6	Lĩnh vực Tài nguyên và môi trường	801	2	725	74	665	568		97	89	74	15
7	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo	93	53	40		93	0	93	0	0	0	0
8	Lĩnh vực Văn hóa - TT- du lịch	10	10	0	0	10	10	0	0	0	0	0
9	Lĩnh vực Y tế	28	28	0	0	28	28	0	0	0	0	0
10	Lĩnh vực Lao động - TBXH	14	1	13	0	14		14	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		2.776	568	2.119	89	2.640	2.424	107	109	89	74	15

Stt	Lĩnh vực	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
II. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND xã (14 xã, thị trấn)												
1	Lĩnh vực Tư pháp	14.311	2.228	12.053	30	14.268	11.991	2.197	80	43	40	3
2	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	693	1	481	211	426	144	82	200	267	165	102
3	Lao động-TBXH, Bảo trợ XH	1.330	45	1.229	56	1.289	1.076	210	3	41	39	2
4	Lĩnh vực Liên thông TTHC	1.605	12	1.565	28	1.562	1.045	486	31	43	40	3
5	Lĩnh vực Công an	636	0	626	10	629	449	148	32	7	7	0
6	Lĩnh vực Nội vụ, tôn giáo	19	0	12	7	19	13	5	1	0	0	0
7	Lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch	26	0	26	0	26	0	26	0	0	0	0
8	Giáo dục - đào tạo	6	0	6	0	5	5	0	0	1	1	0
TỔNG CỘNG		18.626	2.286	15.998	342	18.224	14.723	3.154	347	402	292	110

Ghi chú:

- Số hồ sơ giải quyết liên thông các TTHC (Đăng ký khai tử, xóa đ.ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/...): 75